

Bản án số: 158/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Vĩ Bửu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Viên Đức;
2. Bà Trần Thị Thanh Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 726/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Hoàng T P, sinh năm 1987;

Địa chỉ: xx đường yy, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị A Đ, sinh năm 1986;

Địa chỉ: xx đường yy, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện nộp ngày 16/12/2019 và các Biên bản lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, ông Võ Hoàng T P trình bày:

Ông P và bà Lê Thị A Đ kết hôn vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày xx/yy/20xx.

Trong quá trình chung sống, giữa ông P và bà Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xung đột do tính tình không hòa hợp. Ông P và bà Đ đã không còn chung sống với nhau hơn hai năm nay. Ông P xác định không còn tình cảm với bàĐ, không thể hòa giải và hàn gắn với nhau được nên yêu cầu được ly hôn với bàĐ để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý.

Về con chung: Ông P và bà Đ có hai con chung là:

- Trẻ Võ Hoàng G H, nam, sinh ngày xx/yy/20xx;
- Trẻ Võ Thành T, nam, sinh ngày xx/yy/20xx;

Ông P cho biết, từ khi ông và bà Đ không còn chung sống với nhau cho đến nay, các con do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Võ Thành T, ông P không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông P đồng ý giao trẻ Võ Hoàng G H cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con cho bà Đ 1.000.000 đồng/tháng và sẽ cấp dưỡng một lần tính cho đến khi trẻ H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị A Đ trình bày:

Bà Đ và ông Võ Hoàng T P kết hôn vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx/2012, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày xx/yy/20xx.

Trong quá trình chung sống, giữa bà Đ và ông P luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột do tính tình không hòa hợp. Bà Đ và ông P đã không còn chung sống với nhau hơn hai năm nay. Bà Đ xác định không còn tình cảm với ông P nên nay đồng ý ly hôn với ông P để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý.

Về con chung: Ông P và bà Đ có hai con chung là:

- Trẻ Võ Hoàng G H, nam, sinh ngày xx/yy/20xx;
- Trẻ Võ Thành T, nam, sinh ngày xx/yy/20xx;

Các con hiện nay đang do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, đang có cuộc sống sinh hoạt và học tập ổn định. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con, bà Đ xác định bản thân có đủ khả năng và điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Tại phiên tòa hôm nay: Ông P và bà Đ vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu như trên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

a) Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo đúng thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

b) Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà Đ.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai trẻ Võ Hoàng G H, nam, và trẻ Võ Thành Thái cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Không chấp nhận yêu cầu của ông P về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng đối với trẻ Võ Thành T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Võ Hoàng T P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị A Đ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, bà Đ có nơi cư trú tại Quận 11 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của các đương sự:

a) Xét yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa ông P và bà Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột do do tính tình không hòa hợp. Nay ông P xác định không còn tình cảm với bà Đ và yêu cầu ly hôn với bà Đ. Đồng thời, bà Đ cũng đồng ý ly hôn với ông P. Do đó, việc ông P và bà Đ cùng thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà Đ.

* Về con chung: Giữa ông P và bà Đ có hai con chung là:

- Trẻ Võ Hoàng G H, nam, sinh ngày xx/yy/20xx;

- Trẻ Võ Thành T, nam, sinh ngày xx/yy/20xx;

Căn cứ các Biên bản lời khai của ông P có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông P đều xác định từ hơn hai năm nay các con do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, đang có cuộc sống sinh hoạt và học tập ổn định. Lý do ông P yêu cầu muốn được trực tiếp nuôi trẻ Võ Thành T là vì bà Đ luôn gây khó khăn đối với ông trong việc đến thăm con. Nay ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T là để mỗi người được nuôi một đứa chứ không phải vì bà Đ nuôi dưỡng và chăm sóc con không tốt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, nên cần thiết phải tiếp tục duy trì cuộc sống và học tập ổn định cho các trẻ. Việc ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T sẽ gây nên sự xáo trộn về cuộc sống và học tập của trẻ T. Trẻ T mới được 05 tuổi, đang quen sống với mẹ, việc xa vắng mẹ sẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của trẻ. Do đó, việc ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T là không có cơ sở, không vì lợi ích và không phù hợp với hoàn cảnh cuộc sống thực tế hiện nay của trẻ T, không đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông P.

* Về tài sản chung và nợ chung: Ông P khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

b) Xét yêu cầu của bị đơn:

* Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống, giữa bà Đ và ông P luôn phát sinh mâu thuẫn, xung đột do do tính tình không hòa hợp. Nay bà Đ xác định không còn tình cảm với ông P và đồng ý ly hôn với ông P. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông P và bà Đ.

** Về con chung:*

Xét thấy, từ hơn hai năm nay, các trẻ Võ Hoàng G H và Võ Thành T do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, đang có cuộc sống sinh hoạt và học tập tốt. Bà Đ hiện nay có nơi cư trú, có công việc làm và có thu nhập ổn định, có đủ khả năng và điều kiện nuôi hai con. Đồng thời, trẻ H và trẻ T đều còn nhỏ nên cần được chung sống, vui chơi với nhau và cần được mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng để thuận tiện việc chăm sóc, giáo dục và phát triển một cách tốt nhất. Do đó, yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai con của bà Đ là vì quyền lợi chính đáng của các con, phù hợp với đạo lý, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao cho bà Đ được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con là trẻ H và trẻ T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

** Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Đ khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Võ Hoàng T P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Hoàng T P và bà Lê Thị A Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số xx quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày xx/yy/20yy không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Lê Thị A Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Võ Hoàng G H, nam, sinh ngày xx/yy/20xx và trẻ Võ Thành T, nam, sinh ngày xx/yy/20xx.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Hoàng T P về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Thành T.

Ông P được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Võ Hoàng T P chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông P đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0015285 ngày 26/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.11;
- CCTHADS Quận 11;
- UBND P. 14, Q11;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Vĩ Bửu